

Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn năm 2024

Nguyễn Thị Thu Minh^{1,*}, Hồ Bảo Trân¹, Lê Thị Ngọc Bích¹, Cấn Thị Liên², Trần Thị Xuân Giao³



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

¹Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn

²Tập Đoàn Y khoa Sài Gòn

³Khoa Điều Dưỡng, Trường Đại Học Khoa Học Sức Khỏe, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Thu Minh, Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn

Email: minhnguyenhm2@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 18-06-2025
- Ngày sửa đổi: 31-03-2026
- Ngày chấp nhận: 03-06-2026
- Ngày đăng: 07-07-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.641>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Té ngã là một trong những sự cố y khoa phổ biến trong bệnh viện và là chỉ số quan trọng phản ánh an toàn người bệnh cũng như chất lượng chăm sóc điều dưỡng. Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng đóng vai trò then chốt trong hiệu quả phòng ngừa té ngã.

Mục tiêu: Đánh giá mức độ kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã, đồng thời xác định các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn năm 2024.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 118 điều dưỡng tại 09 khoa lâm sàng. Dữ liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi cấu trúc, gồm thang đo kiến thức phòng ngừa té ngã 11 câu hỏi và thang đo sự tự tin của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã 11 câu, theo thang Likert 6 điểm. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0 với thống kê mô tả và các phép kiểm Chi-square, t-test, ANOVA để xác định mối liên quan giữa các biến.

Kết quả: Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $31,97 \pm 5,83$ tuổi, nữ chiếm 89,8%. Phần lớn điều dưỡng có trình độ đại học 66,1% và có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên 72,8%. Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa té ngã là 69,5%. Điểm trung bình sự tự tin là $4,98 \pm 0,49$ trên thang điểm 1–6, cho thấy mức độ tự tin cao. Kiến thức có liên quan có ý nghĩa thống kê với khoa/phòng công tác, trình độ học vấn và loại hình đào tạo chuyên ngành điều dưỡng. Sự tự tin có liên quan có ý nghĩa thống kê với khoa/phòng công tác, độ tuổi và trình độ học vấn ($p < 0,05$).

Kết luận: Điều dưỡng có mức kiến thức trung bình và sự tự tin cao về phòng ngừa té ngã. Cần triển khai các chương trình đào tạo có trọng điểm và phát triển chuyên môn liên tục nhằm nâng cao kiến thức, củng cố sự tự tin, góp phần tăng cường an toàn người bệnh và giảm nguy cơ té ngã trong bệnh viện.

Từ khóa: Kiến thức, sự tự tin, điều dưỡng, phòng ngừa té ngã, an toàn người bệnh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Té ngã được định nghĩa là sự kiện khiến người bệnh vô tình ngã xuống sàn hoặc vị trí thấp hơn¹. Đây là sự cố y khoa phổ biến nhất trong bệnh viện và là nguyên nhân đứng thứ năm gây hậu quả nghiêm trọng cho bệnh nhân nội trú². Tỷ lệ té ngã tại các cơ sở y tế dao động từ 1,7 đến 14/1.000 ngày điều trị, với khoảng 2% bệnh nhân bị té ngã trong quá trình nằm viện^{3,4}. Tại Việt Nam, tuy chưa có số liệu thống kê đầy đủ, nhưng báo cáo năm 2003 ghi nhận té ngã chiếm 4,6% các sự cố tử vong⁵.

Té ngã làm tăng tỷ lệ chấn thương từ 6–44% tùy vào nhiều yếu tố và nặng nhất là tử vong gần 1%, kéo dài thời gian nằm viện trung bình 12,3 ngày và làm tăng chi phí điều trị đến 61% gây nên hậu quả nặng nề về tâm lý, chất lượng cuộc sống và chi phí điều trị^{6,7}. Đây là chỉ số phản ánh chất lượng điều dưỡng và mức độ an toàn người bệnh. Điều dưỡng đóng vai trò then chốt trong phòng ngừa té ngã nhờ tiếp xúc trực tiếp

và thực hiện chăm sóc hàng ngày; trong đó, kiến thức và sự tự tin của họ là yếu tố quyết định hiệu quả phòng ngừa^{8,9}.

Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn luôn chú trọng đến an toàn người bệnh, đặc biệt là trong phòng ngừa té ngã. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đánh giá cụ thể kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng về vấn đề này tại bệnh viện. Vì vậy, nghiên cứu “**Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn năm 2024**” đã được thực hiện nhằm làm rõ vấn đề trên.

Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định tỷ lệ kiến thức đạt, điểm trung bình sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn
- Xác định mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học và kiến thức, sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn.

Trích dẫn bài báo này: Minh N T T, Trân H B, Bích L T N, Liên C T, Giao T T X. **Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn năm 2024.** VNUHCM J. Health Sci. 2026; 7(2):1053-1060.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Các điều dưỡng đang làm việc tại 09 khoa lâm sàng (Khoa điều trị quốc tế, Nội tổng hợp, Ngoại tổng hợp, Tiêu hóa, Tim mạch – Nội thần kinh, Hồi sức, Sản phụ, Khoa Nhi, Khoa Cấp cứu) của bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn, tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang mô tả.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện.

Cỡ mẫu: 118 điều dưỡng.

Thời gian thu thập số liệu: tháng 8 - 9/2024.

Công cụ nghiên cứu: Bộ câu hỏi gồm 3 phần đã được dịch, kiểm định và cho phép sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt bởi tác giả Nguyễn Thị Nhấn¹⁰ ngày 17/1/2024.

Phần 1: Đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu (7 câu): Khoa/ phòng đang làm việc, tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, loại hình đào tạo về chuyên ngành điều dưỡng, được đào tạo về PNTN

Phần 2: Kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã được đo bằng công cụ “Fall Prevention Knowledge Test” gồm 11 câu hỏi đúng/sai¹¹. Mỗi câu đúng được 1 điểm. Tổng điểm từ 0–11, với $\geq 55\%$ tổng điểm được xem là có kiến thức đạt yêu cầu.

Phần 3: Sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã được đánh giá bằng thang đo “Self-efficacy for preventing falls – nurse” gồm 11 câu, sử dụng thang Likert 6 điểm từ 1 (rất không tự tin) đến 6 (hoàn toàn tự tin), do Patricia C. Dykes và cộng sự phát triển¹².

Quy trình thu thập số liệu: Nghiên cứu viên xin phép lãnh đạo 9 khoa lâm sàng trước khi triển khai. Điều dưỡng được giải thích rõ về mục tiêu, quy trình và cam kết bảo mật. Sau khi đồng ý, họ ký văn bản chấp thuận rồi mới nhận bộ câu hỏi. Phiếu khảo sát hoàn tất sau 10–15 phút sẽ được kiểm tra, mã hóa, nhập liệu và lưu trữ an toàn.

Xử lý và phân tích số liệu: tất cả dữ liệu sẽ được nhập, làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0. Tần số, tỉ lệ phần trăm, trung bình và độ lệch chuẩn được dùng để mô tả đặc điểm nhân khẩu học, kiến thức, sự tự tin của điều dưỡng. Phép kiểm Chi-square, T-test và ANOVA được sử dụng để tìm mối liên hệ giữa đặc điểm nhân khẩu học với kiến thức, sự tự tin.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu này được thông qua bởi Hội đồng xét duyệt đề cương Nghiên cứu khoa học Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn, số 364/QĐ-HMSG ký ngày 12/08/2024.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 118 điều dưỡng tại 9 khoa lâm sàng của Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn năm

2024. Phần lớn đến từ các khoa Cấp cứu (19,5%), Nội tổng hợp (17,8%) và Tim mạch – Nội thần kinh (14,4%), phản ánh đúng cơ cấu giường bệnh và phân bổ nhân lực. Tỷ lệ nữ chiếm 89,8%, tương đồng với nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước, cho thấy nghề điều dưỡng chủ yếu do nữ đảm trách (9,10). Tuổi trung bình là $31,97 \pm 5,83$; nhóm <30 tuổi chiếm 55,1%, từ 31–45 tuổi là 43,2%, phù hợp với đặc điểm lực lượng điều dưỡng trẻ. Về học vấn, 66,1% có bằng đại học, chỉ 0,8% trung cấp và 1,7% sau đại học, tương tự nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Ánh (2023)¹³, cho thấy ảnh hưởng của chính sách tuyển dụng điều dưỡng đại học từ năm 2021. Hơn 60% điều dưỡng được đào tạo chính quy, thâm niên trung bình là $8,91 \pm 5,87$ năm; nhóm ≥ 10 năm và $5-<10$ năm chiếm 36,4%, tương đồng với các nghiên cứu gần đây^{10,13,14}. Tất cả điều dưỡng đều được tập huấn về phòng ngừa té ngã, với tỷ lệ trong vòng 6 tháng là 28,0%, và >1 năm là 25,4%, cao hơn các nghiên cứu trước đó^{9,15}. Kết quả khác biệt trên có thể do sai số khi đối tượng tham gia khảo sát nhớ lại khoảng thời gian tham gia tập huấn trước đó (Bảng 1).

Kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 69,5% điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa té ngã (Bảng 2). Kết quả này thấp hơn một số nghiên cứu khác^{13,16,17}. Điều này cho thấy vẫn cần cải thiện kiến thức phòng ngừa té ngã trong điều dưỡng.

Bảng 2: Phân loại kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã (n=118)

Phân loại kiến thức	Tần số	Tỷ lệ %
Đạt	82	69,5
Không đạt	26	30,5

Nguồn: Nhóm tác giả, phân tích từ phần mềm SPSS 25.0.

Sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình về mức độ tự tin của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã dao động từ 4,56 đến 5,42 trên thang điểm 6 (Bảng 3). Mức thấp nhất ghi nhận ở nội dung tiếp nhận báo cáo nguy cơ té ngã của người bệnh ($4,56 \pm 1,02$), trong khi cao nhất là sự tự tin về làm việc nhóm ($5,42 \pm 0,589$). Trung bình chung điểm tự tin của điều dưỡng là $4,98 \pm 0,49$. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu tại các bệnh viện tuyến ba ($4,43 \pm 0,88$) và bệnh viện đa khoa ở Hàn Quốc ($4,18 \pm 0,78$) (17), của Võ Thị

Bảng 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=118)

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu	Tần số ()	Tỷ lệ (%)
Khoa/ phòng đang công tác		
Điều trị quốc tế	7	5,9
Nội tổng hợp	21	17,8
Ngoại tổng hợp	13	11,0
Tiêu hóa	12	10,2
TM-NTK	17	14,4
Hồi sức	14	11,9
Sản	6	5,1
Nhi	5	4,2
Cấp cứu	23	19,5
Giới tính		
Nam	12	10,2
Nữ	106	89,8
Tuổi (TB $\pm$ ĐLC) 31,97 $\pm$ 5,83, Min = 23, Max = 46		
≤ 30	65	55,1
31 - 45	51	43,2
≥ 46	2	1,7
Trình độ chuyên môn		
Trung cấp	1	0,8
Cao đẳng	37	31,4
Đại học	78	66,1
Sau đại học	2	1,7
Loại hình đào tạo		
Chính quy	72	61,0
Liên thông	46	39,0
Thâm niên công tác (TB $\pm$ ĐLC) 8,91 $\pm$ 5,87, Min = 1, Max = 24		
< 3 năm	11	9,3
3 - <5 năm	21	17,8
5 - <10 năm	43	36,4
≥ 10 năm	43	36,4
Đã được tập huấn về phòng ngừa té ngã		
Chưa được tập huấn	0	0
Trong vòng 3 tháng	28	23,7
Trong vòng 6 tháng	33	28,0
Trong vòng 1 năm	27	22,9
Trên 1 năm	30	25,4
Nguồn: Nhóm tác giả, phân tích từ phần mềm SPSS 25.0.		

Bảng 3: Sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh

Nội dung	Phạm vi	TB±ĐLC
Tôi nhận được báo cáo bằng lời nói về nguy cơ té ngã của người bệnh của tôi.	1-6	4.56±1.02
ĐD của ca trước cho tôi biết phải làm gì để người bệnh của tôi không bị ngã.	1-6	4.73±0.91
Tôi làm việc với gia đình/khách đến thăm người bệnh để thực hiện kế hoạch phòng chống té ngã.	1-6	4.63±1.11
Tôi cung cấp thông tin trực tiếp cho hộ lý về cách ngăn chặn người bệnh té ngã.	1-6	5.01±0.72
Tôi nói với điều dưỡng vào ca tiếp theo phải làm gì để người bệnh của chúng tôi không bị ngã.	1-6	5.14±0.68
Tôi đưa ra một báo cáo nguy cơ té ngã cho ca làm việc tiếp theo.	1-6	5.11±0.66
Tôi cung cấp thông tin trực tiếp cho hộ lý về nguy cơ té ngã của người bệnh.	1-6	5.01±0.80
Tôi có thể dễ dàng tiếp cận thông tin về lý do người bệnh có nguy cơ té ngã.	1-6	4.93±0.69
Tôi đánh giá nguy cơ té ngã trong ca làm việc của mình.	1-6	5.30±0.59
Tôi có thể dễ dàng tiếp cận thông tin về cách tránh cho người bệnh bị ngã.	1-6	4.98±0.69
Tất cả chúng tôi làm việc cùng nhau như một đội.	1-6	5.42±0.59
Trung bình		4.98±0.49
Nguồn: Nhóm tác giả, phân tích từ phần mềm SPSS 25.0.		

Khuyên (2023) (4,49±0,78) (16). Điều này cho thấy điều dưỡng tại bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn có mức độ tự tin cao trong phòng ngừa té ngã. Tuy nhiên, vẫn cần cải thiện kỹ năng giao tiếp và chia sẻ thông tin trong đội ngũ điều dưỡng và với người nhà để đảm bảo an toàn cho người bệnh.

Các yếu tố liên quan đến kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có sự liên quan có ý nghĩa thống kê giữa khoa/phòng công tác, trình độ học vấn, loại hình đào tạo chuyên ngành điều dưỡng với kiến thức về phòng ngừa té ngã ($p < 0,05$) (Bảng 4). Cụ thể, điều dưỡng làm việc tại khoa Cấp cứu và Nội tổng hợp có tỷ lệ đạt kiến thức cao hơn, tương tự kết quả nghiên cứu của Võ Thị Khuyên (2023) (16) có thể do đặc điểm bệnh lý khác biệt giữa các khoa.

Trình độ học vấn cũng ảnh hưởng đến kiến thức phòng ngừa té ngã, điều dưỡng sau đại học đạt điểm cao nhất, phù hợp với nghiên cứu tại bệnh viện Vinmec Times City (13) và Hàn Quốc (17), nơi điều dưỡng có trình độ trung cấp thường đạt điểm kiến thức thấp hơn. Điều này cho thấy điều dưỡng có trình

độ học vấn cao hơn có khả năng tiếp cận và hiểu biết tốt hơn về nội dung chuyên môn. Ngoài ra, về loại hình đào tạo, điều dưỡng học liên thông có kiến thức tốt hơn nhóm chính quy (80,4% so với 62,5%), có thể vì điều dưỡng liên thông thường có kinh nghiệm lâu năm và được đào tạo định kỳ về phòng ngừa té ngã. Nghiên cứu không ghi nhận mối liên hệ ý nghĩa giữa kiến thức phòng ngừa té ngã với tuổi, giới tính, thâm niên công tác hay việc tham gia tập huấn, cho thấy môi trường làm việc và trình độ chuyên môn đóng vai trò quyết định hơn.

Các yếu tố liên quan đến sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã

Trong nghiên cứu này, T-test và ANOVA được sử dụng để phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố nhân khẩu học và mức độ tự tin của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã. Kết quả cho thấy khoa công tác, độ tuổi và trình độ học vấn có ảnh hưởng đáng kể đến sự tự tin ($p < 0,05$). Điều dưỡng tại khoa Hồi sức, Nội tổng hợp và Sản có mức tự tin cao hơn khoa Ngoại tổng hợp; nhóm tuổi 31–45 tự tin hơn nhóm ≥ 46 tuổi ($p = 0,025$); trình độ học vấn càng cao thì sự

Bảng 4: Mối liên quan giữa kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh và các đặc tính dân số học

Đặc tính mẫu	Sự tự tin của điều dưỡng			
	n	TB±ĐLC	T/F	P
Khoa/ phòng công tác				
Điều trị quốc tế	7	5.17±0.50	F=2.981**	0.05
Nội tổng hợp	21	5.22±0.44		
Ngoại tổng hợp	13	4.63±0.39		
Tiêu hóa	12	4.90±0.55		
TM-NTK	17	4.83±0.52		
Hồi sức	14	5.23±0.40		
Sản	6	5.20±0.29		
Nhi	5	4.82±0.17		
Cấp cứu	23	4.89±0.49		
Nhóm tuổi				
≤ 30 tuổi	65	4.92±0.44	F=3.796	0.03
31 - 45 tuổi	51	5.09±0.49		
≥ 46 tuổi	2	4.32±1.34		
Trình độ học vấn				
Trung cấp	1	3,36	F=5,14	0,02
Cao đẳng	37	4,97±0,36		
Đại học	78	4,99±0,51		
Sau đại học	2	5,59±0,58		

(*): Kiểm định chính xác Fisher

Nguồn: Nhóm tác giả, phân tích từ phần mềm SPSS 25.0.

tự tin càng lớn, nổi bật là nhóm sau đại học ($p = 0,02$). Ngược lại, giới tính, thâm niên và loại hình đào tạo không ảnh hưởng đáng kể ($p > 0,05$) (Bảng 5). So với các nghiên cứu trong và ngoài nước, mối liên hệ này chưa được khai thác đầy đủ, cho thấy cần thêm nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ vai trò của nhân khẩu học trong việc nâng cao năng lực điều dưỡng phòng ngừa té ngã (10,17).

KẾT LUẬN

Nghiên cứu tại Bệnh viện Hoàn Mỹ Sài Gòn cho thấy điều dưỡng có mức kiến thức và sự tự tin khá cao trong phòng ngừa té ngã. Kiến thức có liên quan đáng kể bởi khoa công tác, trình độ học vấn và loại hình đào tạo; trong khi sự tự tin liên quan đến độ tuổi và trình độ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế cần cải thiện, đặc biệt ở kiến thức quy trình phòng ngừa và kỹ năng giao tiếp với người bệnh. Kết quả này là cơ sở để bệnh viện tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao chất lượng chăm sóc an toàn.

KIẾN NGHỊ

Bệnh viện cần đẩy mạnh đào tạo định kỳ về phòng ngừa té ngã, tập trung vào sàng lọc nguy cơ, lập kế hoạch và hoàn thiện hồ sơ chăm sóc. Đồng thời, cần phát huy vai trò điều dưỡng giàu kinh nghiệm trong việc hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp mới. Việc cải thiện quy trình bàn giao, tăng cường truyền thông nội bộ và phối hợp nhóm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa té ngã. Ngoài ra, nên ưu tiên tuyển dụng điều dưỡng trình độ đại học và tạo điều kiện học tập nâng cao. Cần có thêm nghiên cứu nhằm làm rõ và khẳng định vai trò điều dưỡng trong quản lý nguy cơ té ngã.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BV: Bệnh viện

ĐD: Điều dưỡng

NB: Người bệnh

PNTN: Phòng ngừa té ngã

Bảng 5: Mối liên quan giữa sự tự tin của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh và các đặc tính dân số học

Đặc tính mẫu		Sự tự tin của điều dưỡng		
	n	TB± ĐLC	T/F	P
Khoa/ phòng đang công tác				
Điều trị quốc tế	7	5.17±0.50	F=2.981**	0.05
Nội tổng hợp	21	5.22±0.44		
Ngoại tổng hợp	13	4.63±0.39		
Tiêu hóa	12	4.90±0.55		
TM-NTK	17	4.83±0.52		
Hồi sức	14	5.23±0.40		
Sản	6	5.20±0.29		
Nhi	5	4.82±0.17		
Cấp cứu	23	4.89±0.49		
Nữ	106	4,98±0,49		
Nhóm tuổi				
≤ 30 tuổi	65	4.92±0.44	F=3.796	0.03
31 - 45 tuổi	51	5.09±0.49		
≥ 46 tuổi	2	4.32±1.34		
Trình độ học vấn				
Trung cấp	1	3,36	F=5,14	0.02
Cao đẳng	37	4,97±0,36		
Đại học	78	4,99±0,51		
Sau đại học	2	5,59±0,58		
Trong vòng 3 tháng	28	5.03±0.57		
Trong vòng 6 tháng	33	4.92±0.44		
Trong vòng 1 năm	27	4.92±0.41		
Trên 1 năm	30	4.98±0.49		

F(**): Kiểm định Anova, T(**): Kiểm định t-test

Nguồn: Nhóm tác giả, phân tích từ phần mềm SPSS 25.0.

SPSS: Statistical Package for the Social Sciences

WHO: World Health Organization – Tổ chức Y tế Thế giới

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Ý tưởng nghiên cứu: Nguyễn Thị Thu Minh,

Đề cương và phương pháp nghiên cứu: Nguyễn Thị Thu Minh, Trần Thị Xuân Giao

Thu thập dữ liệu: Hồ Bảo Trân, Cấn Thị Liên, Lê Thị Ngọc Bích

Viết bản thảo đầu tiên: Nguyễn Thị Thu Minh

Góp ý bản thảo và đồng ý cho đăng bài: Nguyễn Thị Thu Minh, Trần Thị Xuân Giao

CUNG CẤP DỮ LIỆU VÀ THÔNG TIN NGHIÊN CỨU

Tác giả liên hệ sẽ cung cấp dữ liệu nếu có yêu cầu từ Ban Biên tập.

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Falls [Internet]. [cited 29 Tháng Năm 2025]. Available from: <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/falls>.
2. National Patient Safety Goals [Internet]. [cited 29 Tháng Năm 2025]. Available from: <https://www.jointcommission.orghttps://www.jointcommission.org/standards/national-patient-safety-goals/>.
3. Halfon P, Eggl Y, Van Melle G, Vagnair A. Risk of falls for hospitalized patients: a predictive model based on routinely available data. *J Clin Epidemiol*. 2001;54(12):1258–66. Available from: [https://doi.org/10.1016/S0895-4356\(01\)00406-1](https://doi.org/10.1016/S0895-4356(01)00406-1).
4. Morse JM. Enhancing the safety of hospitalization by reducing patient falls. *Am J Infect Control*. 2002;30(6):376–80. Available from: <https://doi.org/10.1067/mic.2002.125808>.
5. Cục quản lý Khám chữa bệnh. kcb.vn. 2015 [cited 29 Tháng Năm 2025]. Tài liệu đào tạo liên tục về An toàn người bệnh. ; 2015. Available from: <https://kcb.vn/thu-vien-tai-lieu/tai-lieu-dao-tao-lien-tuc-ve-an-toan-nguoi-benh.html>.
6. Spetz J, Jacobs J, Hatler C. Cost effectiveness of a medical vigilance system to reduce patient falls. *Nurs Econ*. 2007;25(6):333–352.
7. Inouye SK, Brown CJ, Tinetti ME. Medicare Nonpayment, Hospital Falls, and Unintended Consequences. *N Engl J Med*. 2009;360(23):2390–2393.
8. Tin tức pháp luật [Internet]. [cited 29 Tháng Năm 2025]. Promulgation of the Set of Quality Criteria for Vietnamese Hospitals Version 2.0 in Hanoi, Vietnam. . Available from: <http://www.lawnet.vn/thong-tin-phap-luat/en/thong-bao-van-ban-moi/promulgation-of-the-set-of-quality-criteria-for-vietnamese-hospitals-version-2-0-160557.html>.
9. Hoàng TMT, Đinh TTH, Phạm TBN, Vũ TL, Vũ TE. Kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Nam Định năm 2020. *Tạp Chí Học Việt Nam*;500. Available from: <https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/349>.
10. Nguyễn TN, Hummel I, Phan H. Kiến thức và sự tự tin của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã cho người bệnh = Knowledge and self-efficacy of nurses in fall prevention for patients. 2022;Available from: http://thuvienlamdong.org.vn:81/handle/DL_134679/64228.
11. Dykes PC, Bogaisky M, Carter EJ, Duckworth M, Hurley AC, Jackson EM, et al. Development and Validation of a Fall Prevention Knowledge Test. *J Am Geriatr Soc*. 2019;67(1):133–138. Available from: <https://doi.org/10.1111/jgs.15563>.
12. Dykes PC, Carroll D, Mccolgan K, Hurley AC, Lipsitz SR, Colombo L. Scales for assessing self-efficacy of nurses and assistants for preventing falls. *J Adv Nurs*. 2011;67(2):438–449.
13. Nguyễn NA, Phạm VT, Đỗ TL, Phạm TNA, Đ N Nguyễn, Phạm TH. Kiến thức về dự phòng ngã của điều dưỡng viên cho người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Vinmec Times City năm 2023. *Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng*. 2023;6(06):109–117.
14. Hiền NTT, Tùng LT, Tuấn TM, Cường NC, Dung CT. Chất lượng cuộc sống của người bệnh chạy thận nhân tạo chu kỳ sau giáo dục sức khỏe tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020. *Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng*. 2020;3(3):65–76.
15. Hương BT, Liễu PTT, Hiếu PT, Trang NTH, Nhi TT. Đánh giá thay đổi chất lượng cuộc sống của người bệnh suy thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Nam Định sau giáo dục sức khỏe. . *Tạp Chí Học Việt Nam*. 2023;527(1). Available from: <https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/5618>.
16. Thị KV, Đỗ Thị K. Thực trạng kiến thức và thái độ của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện huyện Củ Chi. *Tạp Chí Nghiên Cứu Học*. 2023;172(11):299–312.
17. Zhang H, Sun H. Knowledge, attitude and self-efficacy of elderly caregivers in Chinese nursing homes: a cross-sectional study in Liaoning Province. *BMJ Open* 1 Tháng Mười-Một. 2019;9(11):29869.

KNOWLEDGE AND CONFIDENCE OF NURSES REGARDING FALL PREVENTION IN PATIENTS AT HOAN MY SAI GON HOSPITAL IN 2024

Nguyen Thi Thu Minh^{1,*}, Ho Bao Tran¹, Le Thi Ngoc Bich¹, Can Thi Lien², Tran Thi Xuan Giao³ 



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Background: Falls are among the most common adverse events in hospitals and represent a key indicator of patient safety and nursing care quality. Nurses' knowledge and self-efficacy play a critical role in fall prevention.

Objective: This study aimed to assess the level of knowledge and self-efficacy of nurses regarding fall prevention and to identify associated factors at Hoan My Sai Gon Hospital in 2024.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 118 nurses from nine clinical departments. Data were collected using a structured questionnaire, including an 11-item Fall Prevention Knowledge Test and an 11-item Self-efficacy for preventing Falls – Nurse scale using a 6-point likert scale. Data were analyzed using SPSS 25.0 with descriptive statistics, Chi-square test, t-test, and ANOVA to examine associations between variables.

Results: The mean age of participants was 31.97 ± 5.83 years, and 89.8% were female. Most nurses held a university degree (66.1%) and had at least five years of work experience (72.8%). The proportion of nurses with adequate knowledge of fall prevention was 69.5%. The mean self-efficacy score was 4.98 ± 0.49 on a 1–6 scale, indicating a high level of confidence. Knowledge was significantly associated with working unit, educational level, and type of nursing training. Self-efficacy was significantly associated with working unit, age, and educational level ($p < 0.05$).

Conclusions: Nurses demonstrated moderate knowledge and high self-efficacy regarding fall prevention. Targeted training programs and continuous professional development are recommended to improve knowledge and enhance confidence, thereby strengthening patient safety and reducing fall-related incidents in hospitals.

Key words: Knowledge, self-efficacy, nurses, fall prevention, patient safety

¹Hoan My Sai Gon Hospital

²Medical Saigon Group

³Faculty of Nursing - University of Health Sciences, Vietnam National University, Ho Chi Minh City

Correspondence

Nguyen Thi Thu Minh, Hoan My Sai Gon Hospital

Email: minhnguyenhm2@gmail.com

History

- Received: 18-06-2025
- Revised: 31-03-2026
- Accepted: 03-06-2026
- Published Online: 07-07-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.641>



Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Minh N T T, Tran H B, Bich L T N, Lien C T, Giao T T X. **KNOWLEDGE AND CONFIDENCE OF NURSES REGARDING FALL PREVENTION IN PATIENTS AT HOAN MY SAI GON HOSPITAL IN 2024.** *VNUHCM J. Health Sci.* 2026; 7(2):1053-1060.